

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO**  
**CẦN THƠ**

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                              | <b>Trang</b>   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                            | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>                                                                      | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                          | <b>4</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>                                        | <b>5 - 8</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b> | <b>9</b>       |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>           | <b>10 - 11</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>    | <b>12 - 39</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>                                                                                            | <b>40 - 44</b> |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 (số cũ là 5703000320) đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 0292 3815108
- Fax : 0292 3821141

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic và sản xuất bao bì từ giấy.

**Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm          |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Mai Công Toàn   | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Đỗ Hữu Hương    | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Văn Ngữ  | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Phạm Ngọc Khanh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024   |
| Ông Mai Công Quyết  | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024   |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Vũ Xuân Nguyên   | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Như Tiến  | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Bùi Vũ Phúc      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024     |
| Ông Nguyễn Đoàn Khuê | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024   |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm             |
|----------------------|-------------------|----------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Cường | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2024 |
| Ông Lê Văn Đáng      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2023      |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Công Toàn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2024).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Mai Công Toàn**  
**Chủ tịch**

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Số: 4.0151/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Hữu Danh****Thành viên Ban Giám đốc****Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1****Người được ủy quyền****TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2025****Nguyễn Thùy Trang****Kiểm toán viên****Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3592-2021-008-1**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>431.232.669.325</b> | <b>621.435.856.534</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>20.242.553.498</b>  | <b>30.999.434.056</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 20.242.553.498         | 19.639.434.056         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | 11.360.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>76.000.000.000</b>  | <b>123.000.000.000</b> |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 76.000.000.000         | 123.000.000.000        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>217.089.484.445</b> | <b>325.913.815.362</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3a        | 206.518.718.183        | 274.873.780.415        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 10.429.973.923         | 13.681.883.400         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 19.060.595.345         | 53.635.810.187         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (18.919.803.006)       | (16.277.658.640)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>101.177.518.738</b> | <b>134.375.665.715</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 101.177.518.738        | 134.375.665.715        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>16.723.112.644</b>  | <b>7.146.941.401</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 11.050.728.628         | 6.680.767.795          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 5.672.384.016          | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.17        | -                      | 466.173.606            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                 |            |             |                        |                        |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>385.809.684.594</b> | <b>338.753.378.587</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | <b>11.334.790.768</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | 11.334.790.768         |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>336.703.439.827</b> | <b>311.129.228.738</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 336.703.439.827        | 311.129.228.738        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 822.670.034.994        | 760.922.820.311        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (485.966.595.167)      | (449.793.591.573)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 244.856.000            | 244.856.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (244.856.000)          | (244.856.000)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>25.257.022.207</b>  | <b>52.698.000</b>      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 25.257.022.207         | 52.698.000             |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>13.200.569.158</b>  | <b>13.458.990.958</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 15.538.428.158         | 15.538.428.158         |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2b        | (2.337.859.000)        | (2.079.437.200)        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>10.648.653.402</b>  | <b>2.777.670.123</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 8.626.105.123          | 359.582.357            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        | V.12        | 61.809.007             | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        | V.13        | 656.520.153            | 732.145.979            |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        | V.14        | 1.304.219.119          | 1.685.941.787          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>817.042.353.919</b> | <b>960.189.235.121</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                     |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>495.855.662.169</b> | <b>558.272.272.026</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>357.400.317.242</b> | <b>473.010.072.208</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.15a       | 67.375.917.285         | 82.293.069.938         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.16        | 2.224.413.495          | 19.853.701             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.17        | 2.040.971.084          | 5.936.882.973          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.18        | 13.782.909.956         | 13.455.484.975         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.19        | 6.550.059.323          | 7.554.685.327          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.20a       | 3.830.973.975          | 5.263.961.611          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.21a       | 233.248.161.687        | 334.994.371.776        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.22        | 28.346.910.437         | 23.491.761.907         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>138.455.344.927</b> | <b>85.262.199.818</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        | V.15b       | 114.294.344.927        | 62.492.945.040         |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.20b       | 23.350.000.000         | 22.650.000.000         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.21b       | 811.000.000            | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | 119.254.778            |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                              |            |             |                        |                        |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>321.186.691.750</b> | <b>401.916.963.095</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>321.186.691.750</b> | <b>401.916.963.095</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.23a       | 101.399.970.000        | 101.399.970.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 101.399.970.000        | 101.399.970.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.23a       | (50.000.000)           | (50.000.000)           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.23a       | 36.024.541.974         | 32.220.093.802         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.23a       | 99.528.157.567         | 156.496.774.720        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 126.157.915.433        | 156.496.774.720        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | (26.629.757.866)       | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        | V.23a       | 84.284.022.209         | 111.850.124.573        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>817.042.353.919</b> | <b>960.189.235.121</b> |

Nguyễn Thị Kim Hoa  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Mai Công Toàn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                               | Mã số | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 1.136.999.015.273 | 1.355.299.155.193 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    | VI.2        | 52.120.185.890    | 13.127.652.127    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 1.084.878.829.383 | 1.342.171.503.066 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.3        | 1.057.179.293.415 | 1.211.927.843.974 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 27.699.535.968    | 130.243.659.092   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.4        | 14.739.947.281    | 26.232.344.092    |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.5        | 21.969.456.448    | 28.596.371.722    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 19.762.955.659    | 25.850.121.182    |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                 | -                 |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.6        | 26.366.266.259    | 33.218.490.376    |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.7        | 45.028.562.408    | 68.102.923.028    |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | (50.924.801.866)  | 26.558.218.058    |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.8        | 90.043.917        | 64.008.407        |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.9        | 786.528.401       | 94.280.681        |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | (696.484.484)     | (30.272.274)      |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | (51.621.286.350)  | 26.527.945.784    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.17        | 966.565.802       | 6.060.793.002     |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    | VI.10       | (181.063.785)     | 680.728.152       |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | (52.406.788.367)  | 19.786.424.630    |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | (26.629.757.866)  | 18.829.139.146    |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | (25.777.030.501)  | 957.285.484       |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.11a,b    | (2.626)           | 1.179             |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.11a,b    | (2.626)           | 1.179             |

**Nguyễn Thị Kim Hoa**  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập**Mai Công Toàn**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 1.238.917.369.908       | 1.366.336.373.919       |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (972.534.226.923)       | (1.092.529.608.559)     |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                              | 03        |             | (96.843.629.041)        | (115.166.315.361)       |
| 4. Tiền lãi vay đã trả                                                          | 04        | V.19, VI.5  | (19.946.457.861)        | (25.721.229.799)        |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                            | 05        | V.17        | (2.961.152.411)         | (6.165.755.352)         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                        | 06        |             | 36.651.351.378          | 4.377.826.408           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (51.991.270.118)        | (66.626.876.580)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>131.291.984.932</b>  | <b>64.504.414.676</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (87.435.278.223)        | (14.806.222.837)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        | V.9, VI.8   | 136.363.636             | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | (100.000.000.000)       | (152.000.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | 147.000.000.000         | 100.500.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                      | 25        |             | -                       | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                  | 26        |             | -                       | 2.803.805.085           |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | V.5, VI.4   | 19.477.699.658          | 7.322.097.273           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(20.821.214.929)</b> | <b>(56.180.320.479)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh  | Năm nay                  | Năm trước             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |              |                          |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |              | -                        | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |              | -                        | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        | V.21a,b      | 905.313.668.872          | 1.106.495.891.715     |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        | V.21a,b      | (1.006.248.878.961)      | (1.031.212.496.235)   |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |              | -                        | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | V.20a, V.23a | (20.294.290.790)         | (67.789.316.910)      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |              | <b>(121.229.500.879)</b> | <b>7.494.078.570</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |              | <b>(10.758.730.876)</b>  | <b>15.818.172.767</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>   | <b>30.999.434.056</b>    | <b>15.180.137.045</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |              | 1.850.318                | 1.124.244             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>   | <b>20.242.553.498</b>    | <b>30.999.434.056</b> |



Nguyễn Thị Kim Hoa  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Mai Công Toàn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**  
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**  
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.
- Ngành nghề kinh doanh**  
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Tập đoàn**  
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                                                | Địa chỉ trụ sở chính                                          | Hoạt động kinh doanh chính         | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
|                                                            |                                                               |                                    | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây đô                             | Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao | 51,06%        | 51,06%     | 51,06%                 | 51,06%     |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô <sup>(i)</sup> | Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | Cung ứng lao động tạm thời         | 46,21%        | 46,21%     | 90,5%                  | 90,5%      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô <sup>(i)</sup>      | Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | Cung ứng dịch vụ hỗ trợ tổng hợp   | 34,99%        | 34,99%     | 68,52%                 | 68,52%     |

(i) Mặc dù tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô và Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô ít hơn 50% nhưng Tập đoàn vẫn có quyền kiểm soát hai công ty này thông qua việc Công ty Cổ phần Xi măng Tây đô – Công ty sở hữu lần lượt 90,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô và 68,52% cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô. Do vậy Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô và Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô bị Tập đoàn kiểm soát và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô và Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 687 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 670 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, phần mềm kế toán và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí phần mềm kế toán*

Chi phí phần mềm kế toán phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 02 – 25       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 – 12       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 07       |
| Tài sản cố định hữu hình khác   | 10            |

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### 16. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

#### 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

#### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

#### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                                     | -                     | 120.271.984           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                              | 20.242.553.498        | 19.519.162.072        |
| Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng | -                     | 11.360.000.000        |
| Cộng                                                                         | <u>20.242.553.498</u> | <u>30.999.434.056</u> |

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                                                                          | Số cuối năm           |                       | Số đầu năm             |                        |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                          | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        | Giá gốc                | Giá trị ghi sổ         |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                          |                       |                       |                        |                        |
| Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng, lãi suất từ 4,1%/năm đến 8%/năm | 76.000.000.000        | 76.000.000.000        | 123.000.000.000        | 123.000.000.000        |
| Cộng                                                                     | <u>76.000.000.000</u> | <u>76.000.000.000</u> | <u>123.000.000.000</u> | <u>123.000.000.000</u> |

Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng với số tiền 75.000.000.000 VND đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày ở Phụ lục 01.

- (i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 1.099.980 cổ phiếu, tương đương 12,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco với giá trị là 6.799.800.000 VND.
- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 615.290 cổ phiếu, tương đương 1,48% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân với giá trị là 3.937.613.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 609.339 cổ phiếu, tương đương 7,75% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên (số đầu năm là 393.122 cổ phiếu, tương đương 7,75 % vốn điều lệ).
- (iv) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang 140.000 cổ phiếu, tương đương 3,05% vốn điều lệ (số đầu năm là 140.000 cổ phiếu, tương đương 3,05% vốn điều lệ).

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                            | Năm nay       | Năm trước     |
|----------------------------|---------------|---------------|
| Số đầu năm                 | 2.079.437.200 | 2.190.189.400 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 258.421.800   | -             |
| Hoàn nhập dự phòng         | -             | (110.752.200) |
| Số cuối năm                | 2.337.859.000 | 2.079.437.200 |

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                      | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu bên liên quan</b>                        | <b>20.366.984.699</b>  | <b>4.358.124.091</b>   |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô                       | 20.366.984.699         | 4.358.124.091          |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                  | <b>186.151.733.484</b> | <b>270.515.656.324</b> |
| Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Phúc Vinh         | 36.162.000.374         | 62.875.567.768         |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Đông | 20.389.067.384         | 33.412.252.563         |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Cường Thành   | 19.091.173.191         | 43.656.036.083         |
| Các khách hàng khác                                  | 110.509.492.535        | 130.571.799.910        |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>206.518.718.183</b> | <b>274.873.780.415</b> |

Một số nợ phải thu của khách hàng cuối năm có giá trị ghi sổ là 183.473.331.467 VND (số đầu năm là 269.428.947.857 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Trả trước của bên liên quan</b>             | <b>3.368.374.350</b> | -                     |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô                 | 3.368.374.350        | -                     |
| <b>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</b>     | <b>7.061.599.573</b> | <b>13.681.883.400</b> |
| Windmoller and Holscher Machinery K.S          | 20.331.920           | 10.374.766.500        |
| Công ty TNHH Sài Gòn CPA                       | -                    | 2.257.289.006         |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ Khí Minh Tú | 3.177.469.000        | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                       |                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ông Trần Duy Trúc     | 1.126.684.700         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác | 2.737.113.953         | 1.049.827.894         |
| <b>Cộng</b>           | <b>10.429.973.923</b> | <b>13.681.883.400</b> |

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                                      | Số cuối năm           |                      | Số đầu năm            |                      |
|------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                      | Giá trị               | Dự phòng             | Giá trị               | Dự phòng             |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>                        | <b>5.980.900.000</b>  | -                    | <b>8.942.700.000</b>  | -                    |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô - Cổ tức phải thu     | 5.980.900.000         | -                    | 8.942.700.000         | -                    |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>          | <b>13.079.695.345</b> | -                    | <b>44.693.110.187</b> | -                    |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn                        | 1.957.024.657         | -                    | 3.973.956.164         | -                    |
| Các khoản ký cược, ký quỹ                            | 236.356.882           | -                    | 208.109.698           | -                    |
| Tạm ứng                                              | 5.370.245.805         | -                    | 2.449.749.325         | -                    |
| Phải thu tiền bán cổ phần                            | -                     | -                    | 34.973.160.000        | -                    |
| Thù lao Hội đồng quản trị tạm trích chờ nguồn bù đắp | 2.546.500.000         | -                    | 840.000.000           | -                    |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                     | 2.969.568.001         | (159.900.000)        | 2.248.135.000         | (159.900.000)        |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>19.060.595.345</b> | <b>(159.900.000)</b> | <b>53.635.810.187</b> | <b>(159.900.000)</b> |

**6. Nợ xấu**

Chi tiết nợ quá hạn được trình bày ở Phụ lục 02.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 16.277.658.640        | 11.226.026.686        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 2.642.144.366         | 18.967.041.802        |
| Giảm do thoái vốn          | -                     | (13.915.409.848)      |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>18.919.803.006</b> | <b>16.277.658.640</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                                     | Số cuối năm            |          | Số đầu năm             |          |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                     | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường              | -                      | -        | 13.341.800.000         | -        |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 58.897.883.790         | -        | 90.535.646.959         | -        |
| Công cụ, dụng cụ                    | 8.288.587.261          | -        | 9.144.367.627          | -        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 5.430.657.206          | -        | 4.451.992.392          | -        |
| Thành phẩm                          | 19.211.562.865         | -        | 5.677.243.997          | -        |
| Hàng hóa                            | 9.348.827.616          | -        | 11.224.614.740         | -        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>101.177.518.738</b> | -        | <b>134.375.665.715</b> | -        |

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm tồn kho có giá trị sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 55.500.008.416 VND (số đầu năm là 77.398.574.011 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ                    | 7.502.127.162         | 2.526.896.201        |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định    | 2.627.144.647         | 2.790.022.603        |
| Chi phí bán hàng chờ phân bổ        | 696.735.898           | 317.688.952          |
| Chi phí bảo hiểm                    | 129.089.528           | -                    |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 95.631.393            | 1.046.160.039        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>11.050.728.628</b> | <b>6.680.767.795</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ                   | 901.907.866          | -                  |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định   | 7.132.321.479        | 359.582.357        |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 591.875.778          | -                  |
| <b>Cộng</b>                        | <b>8.626.105.123</b> | <b>359.582.357</b> |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 220.755.789.495 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                                                                                  | Số đầu năm        | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm | Kết chuyển sang chi phí trả trước | Số cuối năm           |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định                                                          | -                 | 57.994.309.188              | (57.307.036.461)                         | -                                 | 687.272.727           |
| - Mua sắm dây chuyền máy tạo sợi và máy dệt                                      | -                 | 54.725.370.350              | (54.725.370.350)                         | -                                 | -                     |
| - Mua sắm các tài sản cố định hữu hình khác                                      | -                 | 3.268.938.838               | (2.581.666.111)                          | -                                 | 687.272.727           |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                                          | 52.698.000        | 29.314.640.378              | (3.548.447.015)                          | (1.453.635.801)                   | 24.365.255.562        |
| - Cải tạo, mở rộng hệ thống phòng cháy chữa cháy nhà kho                         | 52.698.000        | 271.565.400                 | (324.263.400)                            | -                                 | -                     |
| - Cải tạo, sửa chữa hệ thống bơm tro bay-xi mìn                                  | -                 | 3.830.407.062               | -                                        | -                                 | 3.830.407.062         |
| - Cải tạo, sửa chữa hệ thống Silo chứa nguyên liệu (2 silo 3.000m <sup>3</sup> ) | -                 | 20.534.848.500              | -                                        | -                                 | 20.534.848.500        |
| - Các công trình khác                                                            | -                 | 4.677.819.416               | (3.224.183.615)                          | (1.453.635.801)                   | -                     |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định                                                     | -                 | 455.003.693                 | -                                        | (250.509.775)                     | 204.493.918           |
| <b>Cộng</b>                                                                      | <b>52.698.000</b> | <b>87.763.953.259</b>       | <b>(60.855.483.476)</b>                  | <b>(1.704.145.576)</b>            | <b>25.257.022.207</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|                                            | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------------|-------------------|------------------|
| Số đầu năm                                 | -                 | -                |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh            | 175.883.573       | -                |
| Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (114.074.566)     | -                |
| <b>Số cuối năm</b>                         | <b>61.809.007</b> | <b>-</b>         |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty mẹ chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ tính thuế với số tiền tại ngày kết thúc năm tài chính là 3.793.981.199 VND (số đầu năm là 0 VND).

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

|                                             | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 656.520.153        | 732.145.979        |
| <b>Giá trị thuần</b>                        | <b>656.520.153</b> | <b>732.145.979</b> |

**14. Lợi thế thương mại**

|                    | <u>Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô</u> |
|--------------------|---------------------------------------|
| Nguyên giá         |                                       |
| Số đầu năm         | 3.817.226.683                         |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>3.817.226.683</b>                  |
| <br>               |                                       |
| Số đã phân bổ      |                                       |
| Số đầu năm         | 2.131.284.896                         |
| Phân bổ trong năm  | 381.722.668                           |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>2.513.007.564</b>                  |
| <br>               |                                       |
| Giá trị còn lại    |                                       |
| Số đầu năm         | 1.685.941.787                         |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>1.304.219.119</b>                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**15. Phải trả người bán**

**15a. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                                         | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả bên liên quan</b>                           | <b>203.551.683</b>    | <b>172.032.876</b>    |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô                          | 203.551.683           | 172.032.876           |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                   | <b>67.172.365.602</b> | <b>82.121.037.062</b> |
| Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina                      | 4.313.925.000         | 7.656.880.000         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Hòa Phát          | 7.185.919.265         | 7.537.173.623         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thiên Phúc | 23.129.219.560        | 52.147.462.563        |
| Các nhà cung cấp khác                                   | 32.543.301.777        | 14.779.520.876        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>67.375.917.285</b> | <b>82.293.069.938</b> |

**15b. Phải trả người bán dài hạn**

|                                                         | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thiên Phúc | 99.887.064.497         | 62.492.945.040        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Hòa Phát          | 14.407.280.430         | -                     |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>114.294.344.927</b> | <b>62.492.945.040</b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                                        | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|
| Công ty TNHH MTV Hoàng Bảo                             | 468.901.080          | -                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Hương Giang | 303.365.506          | -                 |
| Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hưng Thành    | 569.028.278          | -                 |
| Các khách hàng khác                                    | 883.118.631          | 19.853.701        |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>2.224.413.495</b> | <b>19.853.701</b> |

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

|                                             | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>     |
|---------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ              | 104.968.725        | 3.952.750.451        |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô              | 409.783.772        | 1.926.028.662        |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô | 96.759.611         | 182.013.889          |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô      | 355.053.694        | -                    |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>966.565.802</b> | <b>6.060.793.002</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Thuế tài nguyên**

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt với mức 5.000 VND/m<sup>3</sup>, với mức thuế suất 3%.

#### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Tiền thuê đất**

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <u>Vị trí đất</u>                                                                             | <u>Mức tiền thuê/năm</u>     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| - Thửa đất số 17; tờ bản đồ số 25, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.     | 201.090.758 VND              |
| - Thửa đất số 19, 51; tờ bản đồ số 36, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 106.977.024 VND              |
| - Thửa đất số 06; tờ bản đồ số 37; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.         | 579.590.323 VND              |
| - Thửa đất số 97; tờ bản đồ số 50; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.         | 133.031.808 VND              |
| - Thửa đất số 38A; tờ bản đồ số 06, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ          | 12.405,93 VND/m <sup>2</sup> |
| - Thửa đất số 292, 293, tờ bản đồ số 07, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ     | 10.368,49 VND/m <sup>2</sup> |

#### **Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****18. Phải trả người lao động**

Là tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                    | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Trích trước chi phí khuyến mãi     | 2.008.683.636        | 4.358.515.455        |
| Chi phí lãi vay phải trả           | 241.597.086          | 425.099.288          |
| Trích trước chi phí tiền điện      | 4.021.547.867        | 2.620.668.584        |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 278.230.734          | 150.402.000          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>6.550.059.323</b> | <b>7.554.685.327</b> |

**20. Phải trả khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                                         | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả bên liên quan</b>                           | <b>240.000.000</b>   | <b>240.000.000</b>   |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô - Chiết khấu tiền ký quỹ | 240.000.000          | 240.000.000          |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>             | <b>3.590.973.975</b> | <b>5.023.961.611</b> |
| Kinh phí công đoàn                                      | 203.593.160          | 111.354.621          |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp    | 11.099.832           | 54.235.097           |
| Nhận ký quỹ, ký cược                                    | 300.000.000          | 1.000.000.000        |
| Cổ tức phải trả                                         | 387.466.200          | 401.762.990          |
| Chiết khấu tiền ký quỹ của khách hàng                   | 1.643.114.754        | 2.546.284.931        |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                        | 1.045.700.029        | 910.323.972          |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>3.830.973.975</b> | <b>5.263.961.611</b> |

**20b. Phải trả dài hạn khác**

|                                                               | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả bên liên quan</b>                                 | <b>2.000.000.000</b>  | <b>2.000.000.000</b>  |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 2.000.000.000         | 2.000.000.000         |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>                   | <b>21.350.000.000</b> | <b>20.650.000.000</b> |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                                 | 21.350.000.000        | 20.650.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>23.350.000.000</b> | <b>22.650.000.000</b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**21. Vay****21a. Vay ngắn hạn**

|                                                                              | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                                       | 224.959.161.687    | 331.290.371.776   |
| - Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ <sup>(1)</sup> | 79.981.576.578     | 180.792.657.419   |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt                               | 144.977.585.109    | 125.452.272.466   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                                                           | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Nam - Chi nhánh TP.Cần Thơ <sup>(ii)</sup></i>                         |                        |                        |
| - <i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ</i> | -                      | 25.045.441.891         |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)                        | 8.289.000.000          | 3.704.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                               | <b>233.248.161.687</b> | <b>334.994.371.776</b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ chi tiết như sau:

- *Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ*: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của Công ty; hàng tồn kho hình thành từ vốn vay; máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).
- *Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô*: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7 và V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ chi tiết như sau:

- *Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ*: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu của Công ty; hàng tồn kho và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7 và V.9).
- *Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô*: vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                         | <u>Số đầu năm</u>      | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>     |
|-------------------------|------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 334.994.371.776        | 871.913.668.872                        | -                                | (981.948.878.961)                   | 224.959.161.687        |
| Vay dài hạn đến hạn trả | -                      | -                                      | 8.289.000.000                    | -                                   | 8.289.000.000          |
| <b>Cộng</b>             | <b>334.994.371.776</b> | <b>871.913.668.872</b>                 | <b>8.289.000.000</b>             | <b>(981.948.878.961)</b>            | <b>233.248.161.687</b> |

**21b. Vay dài hạn**

|                                                                                   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng                                                             |                    |                   |
| <i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ <sup>(i)</sup></i> | 811.000.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>                                                                       | <b>811.000.000</b> | -                 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ để đầu tư dây chuyền máy tạo sợi và máy dệt với lãi suất thả nổi theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 5 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

|                        | Số cuối năm          | Số đầu năm |
|------------------------|----------------------|------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 8.289.000.000        | -          |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 811.000.000          | -          |
| <b>Cộng</b>            | <b>9.100.000.000</b> | <b>-</b>   |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

|                              |                    |
|------------------------------|--------------------|
| Số đầu năm                   | -                  |
| Số tiền vay phát sinh        | 33.400.000.000     |
| Số tiền vay đã trả           | (24.300.000.000)   |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (8.289.000.000)    |
| <b>Cộng</b>                  | <b>811.000.000</b> |

#### 21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Số đầu năm            | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm      | Số cuối năm           |
|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 532.124.895           | 127.000.000                    | (127.000.000)          | 532.124.895           |
| Quỹ phúc lợi                      | 16.444.820.302        | 5.680.889.648                  | (1.896.314.296)        | 20.229.395.654        |
| Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý | 1.514.816.710         | 1.070.573.178                  | -                      | 2.585.389.888         |
| Quỹ an sinh xã hội                | 5.000.000.000         | -                              | -                      | 5.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>23.491.761.907</b> | <b>6.878.462.826</b>           | <b>(2.023.314.296)</b> | <b>28.346.910.437</b> |

#### 23. Vốn chủ sở hữu

##### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 06 đính kèm.

##### 23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                           | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Bà Phạm Thị Thuý          | 23.016.920.000         | 23.016.920.000         |
| Bà Phạm Thị Thêu          | 22.570.000.000         | 22.570.000.000         |
| Ông Bùi Văn Tùng          | 19.578.790.000         | 19.578.790.000         |
| Bà Trương Thị Phương Thúy | 14.950.440.000         | 14.950.440.000         |
| Các cổ đông khác          | 21.283.820.000         | 21.283.820.000         |
| <b>Cộng</b>               | <b>101.399.970.000</b> | <b>101.399.970.000</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                 | Theo Giấy chứng nhận<br>đăng ký doanh nghiệp |           | Vốn điều lệ đã<br>góp (VND) | Vốn điều lệ còn<br>phải góp<br>(VND) |
|-----------------|----------------------------------------------|-----------|-----------------------------|--------------------------------------|
|                 | VND                                          | Tỷ lệ (%) |                             |                                      |
| Cổ đông góp vốn | 101.399.970.000                              | 100       | 101.399.970.000             | -                                    |
| Cộng            | 101.399.970.000                              | 100       | 101.399.970.000             | -                                    |

23c. Cổ phiếu

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.139.997  | 10.139.997 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 10.139.997  | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 10.139.997  | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 10.139.997  | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 10.139.997  | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

|                                                                                         | VND            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| • Trích lập quỹ đầu tư phát triển (6% Lợi nhuận sau thuế năm 2023)                      | 3.804.448.172  |
| • Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (6% Lợi nhuận sau thuế năm 2023)                  | 3.804.448.172  |
| • Tiền thưởng Chủ tịch Hội đồng quản trị (5% Lợi nhuận sau thuế từ sản xuất kinh doanh) | 636.313.922    |
| • Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát                                              | 840.000.000    |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông                                                           | 20.279.994.000 |

Đồng thời, trong năm Công ty mẹ đã chi trả cổ tức các năm trước cho các cổ đông với số tiền 20.294.290.790 VND (năm trước là 67.789.316.910 VND).

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                        | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|------------------------|----------------|----------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 2.292.507.401  | 2.292.507.401  |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 2.433.995.208  | 3.445.900.731  |
| Trên 05 năm            | 16.391.752.149 | 17.663.569.728 |
| Cộng                   | 21.118.254.758 | 23.401.977.860 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động nêu trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 7.752,1 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 25, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 201.090.758 VND/năm. Hợp đồng thuê số 34/HĐTD-2020 ngày 03 tháng 9 năm 2020 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 2.948 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 19, 51, tờ bản đồ số 36, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 106.977.024 VND/năm. Hợp đồng thuê số 33/HĐTD-2020 ngày 03 tháng 9 năm 2020 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 19.700 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 37; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 579.590.323 VND/năm. Hợp đồng thuê số 32/HĐTD-2020 ngày 03 tháng 9 năm 2020 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 1.222,8 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 133.031.808 VND/năm. Hợp đồng thuê số 32/HĐTD-2020 ngày 03 tháng 9 năm 2020 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 66.522,5 m<sup>2</sup> đất tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ với giá thuê 12.405,93 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.
- Tổng số tiền thuê 43,067,4 m<sup>2</sup> đất tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ với giá thuê là 10.368,49 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2018.

#### 24b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.791,34 USD (số đầu năm là 1.791,34 USD).

#### 24c. Nợ khó đòi đã xử lý

|                                                                 | Số cuối năm          | Số đầu năm           | Nguyên nhân xóa sổ                                      |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------|
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trần Quang Thái | 80.640.710           | 80.640.710           | Không còn đóng tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được |
| Các đối tượng khác                                              | 2.189.054.719        | 2.189.054.719        | Không có khả năng thu hồi                               |
| <b>Cộng</b>                                                     | <b>2.269.695.429</b> | <b>2.269.695.429</b> |                                                         |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                            | Năm nay                  | Năm trước                |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa     | 131.517.495.701          | 129.116.461.908          |
| Doanh thu bán thành phẩm   | 983.529.262.964          | 1.208.522.934.069        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 20.677.616.120           | 16.221.837.063           |
| Doanh thu khác             | 1.274.640.488            | 1.437.922.153            |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.136.999.015.273</b> | <b>1.355.299.155.193</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

|                                       | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô</b> |                |                  |
| Bán thành phẩm hàng hóa               | 33.684.227.209 | 892.364.824      |
| Cung cấp dịch vụ                      | 5.695.953.824  | 277.036.667      |

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 52.109.201.390        | 13.081.511.357        |
| Giảm giá hàng bán     | 10.984.500            | -                     |
| Hàng bán bị trả lại   | -                     | 46.140.770            |
| <b>Cộng</b>           | <b>52.120.185.890</b> | <b>13.127.652.127</b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|                                 | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>         |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 117.190.106.011          | 120.404.450.259          |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 924.235.129.234          | 1.077.572.270.257        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 10.198.542.525           | 6.545.100.237            |
| Giá vốn khác                    | 5.555.515.645            | 7.406.023.221            |
| <b>Cộng</b>                     | <b>1.057.179.293.415</b> | <b>1.211.927.843.974</b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                                             | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                                                      | 4.297.749.151         | 6.252.372.601         |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn                                                   | 27.539.713            | 56.410.508            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                 | 10.201.219.000        | 2.669.837.000         |
| Lãi bán hàng trả chậm                                                       | 211.589.099           | 1.607.354.583         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.850.318             | 1.124.244             |
| Lãi thoái vốn tại công ty con                                               | -                     | 15.645.245.156        |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>14.739.947.281</b> | <b>26.232.344.092</b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                                               | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                               | 19.762.955.659        | 25.850.121.182        |
| Chiết khấu ký quỹ                             | 1.948.078.989         | 2.857.002.740         |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư | 258.421.800           | (110.752.200)         |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>21.969.456.448</b> | <b>28.596.371.722</b> |

**6. Chi phí bán hàng**

|                          | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí cho nhân viên    | 4.820.597.713  | 6.872.376.153    |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 3.901.680.547  | 3.755.032.451    |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 24.362.777     | 21.417.921       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                                                                                        | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                                                                       | 333.472.746           | 403.271.657           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                                              | 8.087.187.552         | 9.482.208.132         |
| Các chi phí khác                                                                                       | 9.198.964.924         | 12.684.184.062        |
| <b>Cộng</b>                                                                                            | <b>26.366.266.259</b> | <b>33.218.490.376</b> |
| <b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                                                                 |                       |                       |
|                                                                                                        | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Chi phí cho nhân viên                                                                                  | 23.053.316.087        | 26.903.429.487        |
| Chi phí vật liệu quản lý                                                                               | 632.739.225           | 790.321.537           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                                                                              | 418.092.359           | 526.417.510           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                                                                       | 2.383.256.166         | 2.413.416.797         |
| Thuế, phí và lệ phí                                                                                    | 2.289.980.663         | 1.600.056.616         |
| Phân bổ lợi thế thương mại                                                                             | 381.722.668           | 381.722.668           |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                                                              | 2.642.144.366         | 18.967.041.802        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                                              | 6.692.523.602         | 5.077.409.546         |
| Các chi phí khác                                                                                       | 6.534.787.272         | 11.443.107.065        |
| <b>Cộng</b>                                                                                            | <b>45.028.562.408</b> | <b>68.102.923.028</b> |
| <b>8. Thu nhập khác</b>                                                                                |                       |                       |
|                                                                                                        | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                                               | 86.363.636            | -                     |
| Tiền bồi thường                                                                                        | -                     | 10.328.472            |
| Thu nhập khác                                                                                          | 3.680.281             | 53.679.935            |
| <b>Cộng</b>                                                                                            | <b>90.043.917</b>     | <b>64.008.407</b>     |
| <b>9. Chi phí khác</b>                                                                                 |                       |                       |
|                                                                                                        | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Chi quà tặng khách hàng                                                                                | 94.000.000            | -                     |
| Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế                                                                 | 532.677.673           | 17.685.019            |
| Thuế bị phạt, bị truy thu                                                                              | 146.584.323           | 24.715.174            |
| Chi phí khác                                                                                           | 13.266.405            | 51.880.488            |
| <b>Cộng</b>                                                                                            | <b>786.528.401</b>    | <b>94.280.681</b>     |
| <b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>                                                 |                       |                       |
|                                                                                                        | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 654.823.483           | -                     |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế  | -                     | 774.078.261           |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ  | (175.883.573)         | (93.350.109)          |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                                           | (660.003.695)         | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                                                      | Năm nay       | Năm trước   |
|----------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|
| phát sinh từ việc hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế |               |             |
| Cộng                                                                 | (181.063.785) | 680.728.152 |

**11. Lãi trên cổ phiếu****11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|                                                                                                                       | Năm nay          | Năm trước       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ                                                       | (26.629.757.866) | 18.829.139.146  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                                                                       | -                | (5.807.889.648) |
| Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thường Ban điều hành, quản lý                                       | -                | (1.070.573.178) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -                | -               |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                                                                      | (26.629.757.866) | 11.950.676.320  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm                                           | 10.139.997       | 10.139.997      |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                                                                                     | (2.626)          | 1.179           |

Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm được tính như sau:

|                                                     | Năm nay    | Năm trước  |
|-----------------------------------------------------|------------|------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm            | 10.139.997 | 10.139.997 |
| Tăng do phát hành cổ phiếu ra công chúng            | -          | -          |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cuối năm | 10.139.997 | 10.139.997 |

**11b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thường Ban điều hành, quản lý thực tế phát sinh. Việc áp dụng quy định này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước tăng từ 1.086 VND lên thành 1.179 VND.

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm nay           | Năm trước         |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 693.092.890.945   | 1.041.143.989.374 |
| Chi phí nhân công                | 117.334.231.561   | 132.435.052.905   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 36.437.063.594    | 48.969.089.864    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 137.864.392.940   | 100.162.840.669   |
| Chi phí khác                     | 28.984.208.604    | 59.525.161.265    |
| Cộng                             | 1.013.712.787.644 | 1.382.236.134.077 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ như sau:*

| Họ và tên            | Chức danh                                                   | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Mai Công Toàn    | Chủ tịch Hội đồng quản trị                                  | 2.721.000.000        | 3.458.344.284        |
| Ông Đỗ Hữu Hường     | Thành viên Hội đồng quản trị                                | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Ông Nguyễn Văn Ngừ   | Thành viên Hội đồng quản trị                                | 120.000.000          | 80.000.000           |
| Ông Phạm Ngọc Khanh  | Thành viên Hội đồng quản trị<br>(miễn nhiệm ngày 25/4/2024) | 40.000.000           | 120.000.000          |
| Ông Mai Công Quyết   | Thành viên Hội đồng quản trị<br>(miễn nhiệm ngày 25/4/2024) | 40.000.000           | 120.000.000          |
| Ông Phạm Mạnh Hùng   | Thành viên Hội đồng quản trị<br>(miễn nhiệm ngày 21/4/2023) | -                    | 40.000.000           |
| Ông Vũ Xuân Nguyên   | Trưởng Ban Kiểm soát                                        | 120.000.000          | 100.000.000          |
| Ông Nguyễn Như Tiến  | Thành viên Ban kiểm soát                                    | 60.000.000           | 40.000.000           |
| Ông Bùi Vũ Phúc      | Thành viên Ban kiểm soát<br>(bỏ nhiệm ngày 25/4/2024)       | 40.000.000           | -                    |
| Ông Nguyễn Đoàn Khuê | Thành viên Ban kiểm soát<br>(miễn nhiệm ngày 25/4/2024)     | 20.000.000           | 40.000.000           |
| Ông Vũ Bá Chiến      | Trưởng Ban Kiểm soát<br>(miễn nhiệm ngày 21/4/2023)         | -                    | 40.000.000           |
| Ông Đoàn Văn Cường   | Thành viên Ban kiểm soát<br>(miễn nhiệm ngày 21/4/2023)     | -                    | 20.000.000           |
| Ông Nguyễn Văn Cường | Tổng Giám đốc                                               | 598.178.535          | 645.304.592          |
| Ông Lê Văn Đáng      | Phó Tổng Giám đốc                                           | 464.709.619          | 307.970.032          |
| <b>Cộng</b>          |                                                             | <b>4.343.888.154</b> | <b>5.131.618.908</b> |

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>      | <b>Mối quan hệ</b>                                     |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Tổng Công ty Xi măng Việt Nam  | Cổ đông lớn góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô |
| Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco | Công ty nhận góp vốn đầu tư của Tập đoàn               |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô | Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty     |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*  
Tập đoàn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|                                       | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|---------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>Tổng Công ty Xi măng Việt Nam</b>  |                |                  |
| Cổ tức đã trả                         | -              | (45.859.564.900) |
| <b>Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco</b> |                |                  |
| Cổ tức đã nhận                        | 2.639.952.000  | 549.990.000      |
| <b>Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô</b> |                |                  |
| Mua hàng hóa                          | 1.400.926.857  | 4.820.000        |
| Nhận cung cấp dịch vụ                 | 4.039.410.743  | 142.434.700      |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*  
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.15a và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

- 2. Thông tin về bộ phận**  
Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là sản xuất bao bì và sản xuất xi măng. Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**  
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

  
**Nguyễn Thị Kim Hoa**  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập

TP. Cần Thơ ngày 26 tháng 3 năm 2025  
  
  
**Mai Công Toàn**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bù Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                                            | Số cuối năm    |                 | Số đầu năm     |                 | Đơn vị tính: VND |
|------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|------------------|
|                                                            | Giá gốc        | Dự phòng        | Giá gốc        | Dự phòng        |                  |
|                                                            | Giá trị hợp lý |                 | Giá trị hợp lý |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Da Tây Đô                                  | 69.500.000     | -               | 69.500.000     | -               |                  |
| Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco <sup>(i)</sup>              | 6.799.800.000  | -               | 6.799.800.000  | -               |                  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát                  | 498.000.000    | -               | 498.000.000    | -               |                  |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân <sup>(ii)</sup>      | 3.937.613.000  | (2.337.859.000) | 3.937.613.000  | (2.079.437.200) | 1.858.175.800    |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên <sup>(iii)</sup>           | 2.682.621.200  | -               | 2.682.621.200  | -               |                  |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang <sup>(iv)</sup> | 1.550.893.958  | -               | 1.550.893.958  | -               |                  |
| Cộng                                                       | 15.538.428.158 | (2.337.859.000) | 15.538.428.158 | (2.079.437.200) |                  |

TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Kim Hoa  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập

Mai Công Toàn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Chi tiết nợ quá hạn

|                                                                       | Số cuối năm                 |                |                        | Số đầu năm                  |                |                        | Đơn vị tính: VND |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------|------------------------|-----------------------------|----------------|------------------------|------------------|
|                                                                       | Thời gian quá hạn           | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn           | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi |                  |
|                                                                       |                             |                |                        |                             |                |                        |                  |
| Công ty TNHH MTV Hoàng Minh - Phải thu tiền bán hàng                  | Trên 03 năm                 | 2.998.670.798  | -                      | Trên 03 năm                 | 2.998.670.798  | -                      |                  |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức - Phải thu tiền bán hàng          | Trên 03 năm                 | 4.499.999.920  | -                      | Trên 03 năm                 | 4.499.999.920  | -                      |                  |
| Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh - Phải thu tiền bán hàng           | Từ 01 năm đến dưới 02 năm   | 7.900.000.000  | 3.882.327.960          | Từ 06 tháng đến dưới 02 năm | 7.900.000.000  | 5.462.327.960          |                  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long - Phải thu tiền bán hàng | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 2.830.415.520  | 1.981.290.864          | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 2.830.415.520  | 1.981.290.864          |                  |
| Các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền bán hàng và phải thu khác | Từ 06 tháng đến trên 03 năm | 9.480.510.676  | 2.926.175.084          | Từ 06 tháng đến trên 03 năm | 7.963.161.582  | 2.470.970.356          |                  |
| Cộng                                                                  |                             | 27.709.596.914 | 8.789.793.908          |                             | 26.192.247.820 | 9.914.589.180          |                  |

ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Kim Hoa

Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập

Mai Công Toàn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                       |                        |                     |                                 |                           |                               |                 | Đơn vị tính: VND |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------|------------------|
| Nguyên giá                            | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng            |                  |
| Số đầu năm                            | 412.863.433.244        | 257.836.100.184     | 86.190.668.583                  | 3.208.714.481             | 823.903.819                   | 760.922.820.311 |                  |
| Mua trong năm                         | -                      | 826.833.800         | 235.185.185                     | 143.772.222               | -                             | 1.205.791.207   |                  |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành     | 3.390.537.863          | 57.464.945.613      | -                               | -                         | -                             | 60.855.483.476  |                  |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | -                   | (204.060.000)                   | -                         | -                             | (204.060.000)   |                  |
| Giảm khác (*)                         | -                      | -                   | -                               | (110.000.000)             | -                             | (110.000.000)   |                  |
| Số cuối năm                           | 416.253.971.107        | 316.127.879.597     | 86.221.793.768                  | 3.242.486.703             | 823.903.819                   | 822.670.034.994 |                  |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                               |                 |                  |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 35.159.803.179         | 102.577.797.645     | 62.746.885.964                  | 3.051.069.026             | 823.903.819                   | 204.359.459.633 |                  |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                   | -                               | -                         | -                             | -               |                  |
| Giá trị hao mòn                       |                        |                     |                                 |                           |                               |                 |                  |
| Số đầu năm                            | 180.594.207.508        | 198.667.804.212     | 66.550.717.201                  | 3.156.958.833             | 823.903.819                   | 449.793.591.573 |                  |
| Khấu hao trong năm                    | 19.128.201.577         | 14.272.215.802      | 3.010.211.959                   | 26.434.256                | -                             | 36.437.063.594  |                  |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | -                   | (154.060.000)                   | -                         | -                             | (154.060.000)   |                  |
| Giảm khác (*)                         | -                      | -                   | -                               | (110.000.000)             | -                             | (110.000.000)   |                  |
| Số cuối năm                           | 199.722.409.085        | 212.940.020.014     | 69.406.869.160                  | 3.073.393.089             | 823.903.819                   | 485.966.595.167 |                  |
| Giá trị còn lại                       |                        |                     |                                 |                           |                               |                 |                  |
| Số đầu năm                            | 232.269.225.736        | 59.168.295.972      | 19.639.951.382                  | 51.755.648                | -                             | 311.129.228.738 |                  |
| Số cuối năm                           | 216.531.562.022        | 103.187.859.583     | 16.814.924.608                  | 169.093.614               | -                             | 336.703.439.827 |                  |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                               |                 |                  |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                   | -                               | -                         | -                             | -               |                  |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                   | -                               | -                         | -                             | -               |                  |

(\*) Giảm do Tài sản cố định mất không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 77/TTXMTĐ ngày 31/12/2024 của Công ty con Công ty Cổ phần Xi măng Tân Đô

ngày 26 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Kim Hoa  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập

Mai Công Toàn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 04: Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước

|                                                  | Số đầu năm    |             | Số phát sinh trong năm |                  | Số cuối năm   |          |
|--------------------------------------------------|---------------|-------------|------------------------|------------------|---------------|----------|
|                                                  | Phải nộp      | Phải thu    | Số phải nộp            | Số đã thực nộp   | Phải nộp      | Phải thu |
|                                                  | 2.919.628.810 | -           | 6.093.780.946          | (8.043.585.163)  | 969.824.593   | -        |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | -             | -           | 5.463.927.833          | (5.463.927.833)  | -             | -        |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu                         | -             | -           | 29.018.250             | (29.018.250)     | -             | -        |
| Thuế xuất, nhập khẩu                             | 2.446.399.914 | 149.802.171 | 966.565.802            | (2.961.152.411)  | 302.011.134   | -        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 568.875.599   | -           | 3.600.378.799          | (3.404.312.891)  | 764.941.507   | -        |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 1.978.650     | -           | 66.242.920             | (64.027.720)     | 4.193.850     | -        |
| Thuế tài nguyên                                  | -             | -           | 53.820.809             | (53.820.809)     | -             | -        |
| Thuế nhà đất                                     | -             | 316.371.435 | 2.228.074.931          | (1.911.703.496)  | -             | -        |
| Tiền thuế đất                                    | -             | -           | -                      | -                | -             | -        |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -             | -           | 341.306.030            | (341.306.030)    | -             | -        |
| Cộng                                             | 5.936.882.973 | 466.173.606 | 18.843.116.320         | (22.272.854.603) | 2.040.971.084 | -        |

Đơn vị tính: VND

*Handwritten signature*

Nguyễn Thị Kim Hoa  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập



Mai Công Toàn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                                | Đơn vị tính: VND          |                         |                          |                                         |                                                   |
|------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|
|                                                | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Lợi ích<br>cổ đông<br>không kiểm soát<br><br>Cộng |
| Số dư đầu năm trước                            | 101.399.970.000           | (50.000.000)            | 30.614.312.897           | 187.756.534.436                         | 490.166.733.208                                   |
| Lợi nhuận trong năm trước                      | -                         | -                       | -                        | 18.829.139.146                          | 957.285.484                                       |
| Trích lập các quỹ trong năm trước              | -                         | -                       | 1.605.780.905            | (15.476.005.904)                        | (5.490.290.413)                                   |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước         | -                         | -                       | -                        | (20.282.624.460)                        | (47.968.805.440)                                  |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát       | -                         | -                       | -                        | (1.980.252.559)                         | (2.326.547.441)                                   |
| Thường Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị,       | -                         | -                       | -                        | -                                       | -                                                 |
| Ban kiểm soát năm trước                        | -                         | -                       | -                        | (1.668.862.955)                         | (1.599.572.131)                                   |
| Giảm do thoái vốn                              | -                         | -                       | -                        | (10.681.152.983)                        | (2.167.861.362)                                   |
| Số dư năm trước                                | 101.399.970.000           | (50.000.000)            | 32.220.093.802           | 156.496.774.721                         | 401.916.963.095                                   |
| Số dư đầu năm nay                              | 101.399.970.000           | (50.000.000)            | 32.220.093.802           | 156.496.774.720                         | 401.916.963.095                                   |
| Lợi nhuận trong năm nay                        | -                         | -                       | -                        | (26.629.757.866)                        | (25.777.030.501)                                  |
| Trích lập các quỹ trong năm nay                | -                         | -                       | 3.804.448.172            | (9.873.809.522)                         | (6.878.462.826)                                   |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay           | -                         | -                       | -                        | (20.279.994.000)                        | (20.279.994.000)                                  |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát       | -                         | -                       | -                        | (1.374.862.282)                         | (1.966.800.000)                                   |
| Ảnh hưởng do hợp nhất kinh doanh trong năm nay | -                         | -                       | -                        | 1.189.806.517                           | (388.032.669)                                     |
| Số dư cuối năm nay                             | 101.399.970.000           | (50.000.000)            | 36.024.541.974           | 99.528.157.567                          | 321.186.691.750                                   |

ngày 26 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Kim Hoa  
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập

Mai Công Toàn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị